

Số:422/2022/QĐST-DS

Tân Bình, ngày 09 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 312/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tân K, sinh năm 1928

Địa chỉ: đường M, phường K, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Từ Ngọc Trần Đ, sinh năm 1991, địa chỉ liên lạc: đường J, phường K, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955

Địa chỉ: đường Y, phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trương Thị H, Là luật sư của VPLS Trương Thị H, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Anh T1, sinh năm 1986

- Bà Huỳnh Thị Anh T2, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: đường Y, phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Nguyên T3 gồm 4 người có tên sau đây: Bà Nguyễn Tân K, bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Anh T1 và bà Huỳnh Thị Anh T2.

2.2. Di sản thừa kế của ông Huỳnh Nguyên T3 là $\frac{1}{2}$ giá trị đối với các tài sản:

- Nhà đất tại địa chỉ: đường Y, phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 19 có diện tích: 2.510,5 m² tại địa chỉ: Xã Z, huyện Q, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA730767 do UBND huyện Q, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/5/2010.
- Thửa đất số 609, tờ bản đồ số 01 có diện tích: 923 m² tại địa chỉ: Xã G, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00167/11 do UBND huyện V cấp ngày 07/6/2006.
- Thửa đất số 232 (tách từ thửa đất số 185), tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại Ấp 5, xã I, X, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AK 665522, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “H”06739 ngày 08/11/2007 do UBND huyện X cấp ngày 08/11/2007.
- Thửa đất số 190, tờ bản đồ số 20 có diện tích: 188 m² và Thửa đất số 546, tờ bản đồ số 20 có diện tích: 305 m² tại địa chỉ: Xã H, huyện L1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB866731, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00035 do UBND huyện L1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/2005.

Tổng giá trị di sản thừa kế là: 29.160.800.000 đồng.

2.3. Bà Nguyễn Tân K, bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Anh T1 và bà Huỳnh Thị Anh T2 mỗi người được hưởng một suất thừa kế là 1/8 giá trị di sản thừa kế của ông Huỳnh Nguyên T3.

2.4. Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán số tiền là 3.600.000.000 (ba tỷ sáu trăm triệu) đồng cho bà Nguyễn Tân K để được hưởng suất thừa kế của bà Nguyễn Tân K trong khối di sản thừa kế của ông Huỳnh Nguyên T3. Phương thức thanh toán chia làm 02 đợt cụ thể như sau:

- Đợt 01: Ngày 01/11/2022, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng cho bà Nguyễn Tân K.

- Đợt 02: Ngày 16/01/2023, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán số tiền 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng cho bà Nguyễn Tân K.

Sau khi bà Nguyễn Thị L thanh toán đủ số tiền 3.600.000.000 (ba tỷ sáu trăm triệu) đồng cho bà Nguyễn Tân K thì bà Nguyễn Thị L được hưởng 2/8 giá trị di sản thừa kế nêu trên. Trường hợp bà Nguyễn Thị L vi phạm bất kỳ thời hạn thanh toán nào như đã thỏa thuận thì bà Nguyễn Tân K được quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thừa kế nêu trên để hưởng 1/8 giá trị di sản thừa kế vào thời điểm thi hành án.

2.5. Bà Nguyễn Tân K chấm dứt mọi quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến di sản thừa kế của ông Huỳnh Nguyên T3 sau khi nhận đủ số tiền 3.600.000.000 (ba tỷ sáu trăm triệu) đồng từ bà Nguyễn Thị L và cam kết không có bất kỳ thắc mắc, khiếu nại hay khởi kiện tranh chấp gì về sau. Bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Anh T, bà Huỳnh Thị Anh T được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tương đương phần thừa kế được

hưởng của mỗi người theo quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí liên quan đến thủ tục công nhận quyền sở hữu (nếu có) đối với nhà và đất nêu trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá do nguyên đơn bà Nguyễn Tân K tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Tân K phải chịu án phí sơ thẩm là 52.451.000 (năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi một ngàn) đồng nhưng được miễn nộp số tiền án phí này. Hoàn lại cho bà Nguyễn Tân K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0011261 ngày 20/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là 52.451.000 (năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi một ngàn) đồng nhưng được miễn nộp số tiền án phí này.

- Ông Huỳnh Anh T1 và bà Huỳnh Thị Anh T2 mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 52.451.000 (năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi một ngàn) đồng.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Trần Ái Vy